

Bản án số: 51/2019/ HNGĐ – ST.
Ngày: 09 - 9 - 2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

2/ Bà Phan Thị Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 141/2019/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019. Về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 17/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Cẩm – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Mh, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn : Anh Trần Thành T – Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện H2, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/3/2019 và tại bản khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị Cẩm trình bày: Chị với anh T cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H2. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu 04 năm thì cưới. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh T tại thôn 3, xã H, huyện H2, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu. Mỗi lần nhậu say thường kiếm chuyện chửi bới, đánh đập chị. Anh T là người chồng

vô trách nhiệm không chịu làm ăn và cũng ít quan tâm đến vợ con. Khi chị nói thì gia đình anh T bênh vực anh, không chịu khuyên ngăn thêm cho anh T sửa đổi tính tình. Ngoài ra, thời gian vợ chồng sống chung với gia đình chồng thì không được hòa thuận, nên chị có nói chuyện với anh T về việc ra ngoài ở riêng nhưng anh T không đồng ý. Vào ngày 01/01/2018 giữa chị và anh T có cãi vã nhau thì anh T chửi và đòi đánh chị nên chị xin phép cha mẹ chồng về nhà mẹ ruột ít ngày, nhưng anh T chửi “đi thì đi luôn không được về lại nữa”. Vì vậy chị đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ đó chị và anh T không liên lạc gì với nhau, chỉ thỉnh thoảng anh T gọi điện nói gặp con thì chị cho gặp. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thành T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thành T1 – sinh ngày 15/5/2016. Hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về T1 sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của anh T để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh T cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, anh T vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Đỗ Thị Cẩm yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thành T và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Anh Trần Thành T có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H2. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn anh Trần Thành T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị và anh T cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H2, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh T. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau được gần 03 năm,

nhưng chị cảm thấy chỉ hạnh phúc được vài tháng đầu vì lúc nào cũng cãi nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T là người chồng vô trách nhiệm, ít quan tâm đến gia đình thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Mặt khác trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không thông cảm và thấu hiểu cho nhau dẫn đến vợ chồng đối xử ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống không có hạnh phúc, và chị đã bỏ về nhà mẹ ruột ở từ tháng 01/2018 cho đến nay. Trong thời gian chị bỏ đi anh T cũng không có thiện chí gì để vợ chồng gặp nhau bàn bạc vấn đề hàn gắn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu được ly hôn anh Trần Thành T. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và đến tại nơi ở của anh T để tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không được, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn không đến Tòa để giải quyết, cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình cảm giữa chị với anh T không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị Đỗ Thị Cẩm là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thành T1 – sinh ngày 15/5/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị là hoàn toàn có căn cứ, vì hiện nay cháu T1 còn rất nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của chị và từ trước đến nay cháu T1 cũng ở cùng với chị, nên việc chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị không yêu cầu, nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản và nợ*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Đỗ Thị Cẩm phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Trần Thành T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228,

Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Cẩm . Chị Đỗ Thị Cẩm được ly hôn anh Trần Thành T.

2/ Về con chung: Giao 01 con tên Trần Thành T1 – sinh ngày 15/5/2016 cho chị được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị không yêu cầu, nên không xem xét.

Anh Trần Thành T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về T1 sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Đỗ Thị Cẩm phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026510 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Anh Trần Thành T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết